TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 22 – 8 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lao.

Ông Tạ Văn Nhật.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Minh T (tên gọi khác: Lê Minh T), sinh năm 1978; Địa chỉ: Cụm 6, xã TL, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1975; nơi cư trú cuối cùng: Cụm 6, xã TL, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội (Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã tuyên bố anh H mất tích, tại Quyết định số 02/2018/QĐDS-ST ngày 26/3/2018); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thị Minh T trình bày:* Chị kết hôn với anh Trịnh Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội ngày 25/9/1999. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh H chơi bời, cờ bạc. Chị đã khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Tháng 09/2015 anh H đã bỏ đi khỏi nhà từ đó cho đến nay. Chị và gia đình đã tìm kiếm anh H nhiều nơi nhưng đều không có kết quả. Ngày 26/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã ra Quyết định tuyên bố anh H mất tích. Từ khi tuyên bố mất tích cho đến nay, chị cũng

không thấy anh H liên hệ gì với chị. Xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Minh A, sinh ngày 23/6/2000 và cháu Trịnh Văn Đ, sinh ngày 20/8/2004. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận nuôi cả 02 con chung. Do anh H không có mặt tại địa phương nên chị không đặt vấn đề cấp dưỡng với anh H.

- Về tài sản chung*:* Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung, công sức*:* Chị xác định vợ chồng không có nợ chung, không có công sức.

** Bị đơn anh Trịnh Văn H vắng mặt tại địa phương, đã được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.*

- Tại phiên tòa, chị Lê Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh H, được nuôi con như chị đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của chị. Anh Trịnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Minh T và anh Trịnh Văn H là hợp pháp. Xuất phát từ việc anh H đã bỏ nhà đi hơn 02 năm, không biết anh H đang ở đâu. Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố anh H mất tích, yêu cầu ly hôn của chị T là chính đáng.Vì vậy, sẽ áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận chị T được ly hôn anh H. Vợ chồng chị T, anh H có 02 con chung. Từ khi anh H bỏ đi, chị T là người nuôi dưỡng 02 cháu, cả 02 cháu đều có nguyện vọng ở với chị T. Cháu Minh A đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự nên không phải giải quyết. Giao cháu Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công sức, nợ chung không có nên không phải xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị Minh T có đơn xin ly hôn với anh Trịnh Văn H có nơi cư trú cuối cùng: Cụm 6, xã TL, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp nuôi con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên do anh Trịnh Văn H hiện nay không có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Minh T và anh Trịnh Văn H trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký vào ngày 25/9/1999 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]. Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, cũng như các tài liệu điều tra thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh H xảy ra đã lâu. Từ tháng 09 năm 2015 anh H đã bỏ đi khỏi nhà từ đó cho đến nay. Chị T đã tìm kiếm anh H nhiều nơi nhưng không biết anh H đang ở đâu, làm gì. Ngày 26/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 02/2018/QĐDS-ST, tuyên bố anh Trịnh Văn H mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố anh H mất tích cho đến nay, anh H cũng không có liên lạc gì với chị T và chính quyền địa phương. Xét quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H không còn gắn bó, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh H là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho chị T.

[2.2]. Về con chung: Chị T, anh H có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Minh A, sinh ngày 24/7/2000 và cháu Trịnh Văn Đ, sinh ngày 20/8/2004. Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu. Cháu Minh A đã đủ 18 tuổi, hiện đang học tại Học viện quản lý giáo dục, đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Cháu Đ xin ở với chị T. Xét về điều kiện chỗ ở, kinh tế và môi trường sống ổn định của cháu Đ, hơn nữa anh H không có mặt tại địa phương, cần giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Tài sản chung, nợ: Chị T xác định không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho anh H, Tòa án chưa giải quyết phần tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này chị T, anh H có tranh chấp tài sản chung với nhau sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Minh T (tên gọi khác Lê Thị T)

- Chị Lê Thị Minh T (tên gọi khác Lê Thị T) được ly hôn Trịnh Văn H.

- Về con chung: Cháu Trịnh Thị Minh A, sinh ngày 24/7/2000 đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, nên không phải giải quyết. Giao cháu Trịnh Văn Đ, sinh ngày 20/8/2004 cho chị Lê Thị Minh T nuôi cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Lê Thị Minh T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trịnh Văn H cho đến khi chị T có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Trịnh Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005964 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

3. Nguyên đơn là chị Lê Thị Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Trịnh Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- Chi cục THAD huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã TL, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN *THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*